Thời gian ký:
06/03/2026 14:19:26

DANH SÁCH 443 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Thông báo số ………./TB-UBND Ngày /3/2026 của UBND xã Hưng Đạo)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Quyết định Công bố	Đối tượng	Lĩnh vực	Cơ quan công khai	Cấp thực hiện	Tình trạng
1	1.006857	Đăng ký thường trú ở nội thành (thực hiện Điểm b Khoản 4 Điều 19 Luật thủ đô)	993/QĐ-UBND (ĐT)	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chính sách (Bộ Công an)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
2	1.006859	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	993/QĐ-UBND (ĐT)	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
3	2.000942.000.00.00.H26	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
4	1.003784.000.00.00.H26	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	959/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
5	1.004650.000.00.00.H26	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	217/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Quảng cáo (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
6	1.005280.000.00.00.H26	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
7	1.003471.000.00.00.H26	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	1022/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
8	2.002649.H26	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
9	1.013707.H26	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
10	2.001921.000.00.00.H26	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	1056/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

11	1.003658.000.00.00.H26	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
12	1.005040.000.00.00.H26	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
13	1.004088.000.00.00.H26	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
14	1.004047.000.00.00.H26	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
15	2.001711.000.00.00.H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
16	1.004002.000.00.00.H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
17	1.003970.000.00.00.H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
18	1.003930.000.00.00.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

19	1.004036.000.00.00.H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
20	2.001659.000.00.00.H26	Xóa đăng ký phương tiện	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
21	1.001193.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai sinh	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
22	1.004873.000.00.00.H26	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
23	2.000635.000.00.00.H26	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
24	1.000894.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký kết hôn	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
25	1.004884.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
26	1.000656.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai tử	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
27	1.000713.000.00.00.H26	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
28	1.000715.000.00.00.H26	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
29	1.000711.000.00.00.H26	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Kiểm định chất lượng giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
30	1.000288.000.00.00.H26	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
31	1.000280.000.00.00.H26	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
32	1.000691.000.00.00.H26	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

33	2.001842.000.00.00.H26	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
34	1.004552.000.00.00.H26	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
35	1.004563.000.00.00.H26	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
36	1.001639.000.00.00.H26	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
37	1.001622.000.00.00.H26	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
38	1.002467.000.00.00.H26	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	1395/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
39	1.002944.000.00.00.H26	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	1395/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Phòng bệnh (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
40	2.000390.000.00.00.H26	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2804/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
41	2.000371.000.00.00.H26	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2804/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
42	2.000591.000.00.00.H26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	1493/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
43	2.000535.000.00.00.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	2804/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	An toàn thực phẩm (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
44	2.000181.000.00.00.H26	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	962/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
45	2.000162.000.00.00.H26	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	962/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
46	2.000150.000.00.00.H26	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	962/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
47	2.000620.000.00.00.H26	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	931/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
48	2.001240.000.00.00.H26	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	931/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
49	2.000615.000.00.00.H26	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	931/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
50	2.000633.000.00.00.H26	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	931/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Hợp tác xã	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

51	2.000629.000.00.00.H26	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1493/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
52	1.001279.000.00.00.H26	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	931/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Lưu thông hàng hóa trong nước (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
53	2.001283.000.00.00.H26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1493/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
54	2.001270.000.00.00.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	1493/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
55	2.001261.000.00.00.H26	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	931/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Kinh doanh khí (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
56	2.000528.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
57	2.000806.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
58	1.001766.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
59	2.000779.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
60	1.001695.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
61	1.001669.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
62	2.000756.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
63	2.000748.000.00.00.H26	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
64	2.002189.000.00.00.H26	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
65	2.000554.000.00.00.H26	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
66	2.000547.000.00.00.H26	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
67	2.000522.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
68	1.000893.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
69	2.000513.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
70	2.000497.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
71	2.000908.000.00.00.H26	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

72	2.000815.000.00.00.H26	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
73	2.000884.000.00.00.H26	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
74	2.000913.000.00.00.H26	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
75	2.000927.000.00.00.H26	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
76	2.000992.000.00.00.H26	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
77	2.001008.000.00.00.H26	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
78	1.003583.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
79	1.000593.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
80	1.001022.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
81	1.000689.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
82	1.000419.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
83	1.004837.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký giám hộ	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
84	1.004845.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
85	1.004859.000.00.00.H26	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
86	1.004772.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
87	1.004746.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
88	1.005461.000.00.00.H26	Đăng ký lại khai tử	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
89	2.001035.000.00.00.H26	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
90	2.001019.000.00.00.H26	Chứng thực di chúc	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

91	2.001406.000.00.00.H26	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
92	2.001263.000.00.00.H26	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
93	2.001255.000.00.00.H26	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
94	2.002165.000.00.00.H26	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bồi thường nhà nước (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
95	2.002080.000.00.00.H26	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	1311/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
96	2.001023.000.00.00.H26	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	4304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
97	2.000986.000.00.00.H26	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	4304/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
98	2.001584.000.00.00.H26	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)	959/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
99	1.003729.000.00.00.H26	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	959/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
100	2.001744.000.00.00.H26	Cấp lại giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	959/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
101	2.001740.000.00.00.H26	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	959/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
102	2.001737.000.00.00.H26	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cấp địa phương)	959/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
103	2.001955.000.00.00.H26	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Lao động, tiền lương (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
104	1.004964.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	1082/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
105	2.000286.000.00.00.H26	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
106	2.000282.000.00.00.H26	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
107	2.000477.000.00.00.H26	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
108	1.005132.000.00.00.H26	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	1031/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
109	2.000134.000.00.00.H26	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	579/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	An toàn, vệ sinh lao động (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

110	2.001157.000.00.00.H26	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
111	2.001396.000.00.00.H26	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
112	1.001257.000.00.00.H26	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
113	1.004946.000.00.00.H26	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
114	1.004944.000.00.00.H26	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
115	1.001731.000.00.00.H26	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
116	2.001661.000.00.00.H26	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	1027/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
117	2.000355.000.00.00.H26	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	954/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
118	2.001947.000.00.00.H26	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
119	1.004941.000.00.00.H26	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
120	2.001944.000.00.00.H26	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
121	2.001942.000.00.00.H26	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
122	1.004232.000.00.00.H26	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
123	1.004223.000.00.00.H26	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
124	1.004179.000.00.00.H26	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
125	1.004211.000.00.00.H26	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
126	1.004167.000.00.00.H26	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
127	1.000824.000.00.00.H26	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

128	1.001662.000.00.00.H26	Đăng ký khai thác nước dưới đất	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
129	1.004153.000.00.00.H26	Cấp giấy phép hoạt động in (cấp địa phương)	959/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
130	1.005357.000.00.00.H26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	1666/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
131	1.005162.000.00.00.H26	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	177/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
132	1.001517.000.00.00.H26	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	1666/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
133	1.001213.000.00.00.H26	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	1666/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
134	1.001195.000.00.00.H26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	177/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
135	1.000904.000.00.00.H26	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	177/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
136	1.000842.000.00.00.H26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	177/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
137	1.000502.000.00.00.H26	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	1031/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
138	1.003622.000.00.00.H26	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	558/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
139	2.000794.000.00.00.H26	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	177/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
140	1.001699.000.00.00.H26	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	626/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
141	1.001653.000.00.00.H26	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	626/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
142	1.001612.000.00.00.H26	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
143	2.000720.000.00.00.H26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
144	1.001570.000.00.00.H26	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
145	1.001266.000.00.00.H26	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
146	2.000575.000.00.00.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

147	2.002123.000.00.00.H26	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	122/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
148	1.005277.000.00.00.H26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
149	1.005378.000.00.00.H26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
150	1.004982.000.00.00.H26	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
151	1.004979.000.00.00.H26	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
152	2.001958.000.00.00.H26	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
153	1.005010.000.00.00.H26	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
154	1.004901.000.00.00.H26	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
155	2.001016.000.00.00.H26	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	111/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Chứng thực (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
156	1.004228.000.00.00.H26	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
157	1.004680.000.00.00.H26	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	101/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
158	1.004656.000.00.00.H26	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	101/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

159	2.001827.000.00.00.H26	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	246/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
160	1.000544.000.00.00.H26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	1666/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
161	1.003434.000.00.00.H26	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	252/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
162	1.005412.000.00.00.H26	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	1054/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
163	1.007919.000.00.00.H26	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	1344/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
164	1.008004.000.00.00.H26	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	940/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
165	1.006390.000.00.00.H26	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
166	1.006444.000.00.00.H26	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	1168/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
167	1.006445.000.00.00.H26	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
168	2.001960.000.00.00.H26	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
169	1.000485.000.00.00.H26	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	177/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Thể dục thể thao (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
170	1.008724.000.00.00.H26	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1168/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
171	1.008725.000.00.00.H26	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	1168/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

172	1.002407.000.00.00.H26	Xét, cấp học bổng chính sách	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
173	1.008951.000.00.00.H26	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
174	1.008950.000.00.00.H26	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
175	1.005099.000.00.00.H26	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
176	1.003702.000.00.00.H26	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
177	1.005090.000.00.00.H26	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thi, tuyển sinh (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
178	2.001627.000.00.00.H26	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	938/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
179	1.003446.000.00.00.H26	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	938/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
180	1.003440.000.00.00.H26	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	938/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
181	1.003347.000.00.00.H26	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	938/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
182	2.001621.000.00.00.H26	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	1022/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
183	1.009444.000.00.00.H26	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	1056/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
184	1.009452.000.00.00.H26	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

185	1.009454.000.00.00.H26	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
186	1.009465.000.00.00.H26	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
187	1.009447.000.00.00.H26	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	1056/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
188	1.009453.000.00.00.H26	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
189	1.009455.000.00.00.H26	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
190	2.002400.000.00.00.H26	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	3662/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
191	2.002403.000.00.00.H26	Thủ tục thực hiện việc giải trình	3662/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
192	2.002402.000.00.00.H26	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	3662/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
193	2.002401.000.00.00.H26	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	3662/QĐ-UBND	Cán bộ, công chức, viên chức	Phòng, chống tham nhũng (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
194	1.010091.000.00.00.H26	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	944/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

195	1.010092.000.00.00.H26	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	944/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
196	1.003956.000.00.00.H26	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	101/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
197	1.004498.000.00.00.H26	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	101/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
198	2.002363.000.00.00.H26	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
199	1.000110.000.00.00.H26	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	4016/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
200	1.009407.000.00.00.H26	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	1395/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Y Dược cổ truyền (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
201	2.001088.000.00.00.H26	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	95/QĐ-TTPVHCC.	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Dân số, Bà mẹ - Trẻ em (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
202	1.001714.000.00.00.H26	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
203	1.005108.000.00.00.H26	Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
204	2.001904.000.00.00.H26	Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
205	3.000182.000.00.00.H26	Tuyển sinh trung học cơ sở	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
206	2.002481.000.00.00.H26	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
207	2.002482.000.00.00.H26	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	1168/QĐ-TTPVHCC	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
208	2.002483.000.00.00.H26	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	1168/QĐ-TTPVHCC	Người nước ngoài	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
209	1.010772.000.00.00.H26	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
210	1.010774.000.00.00.H26	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

211	1.010775.000.00.00.H26	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01 tháng 01 năm 1995 đến ngày 30 tháng 9 năm 2006	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
212	1.010777.000.00.00.H26	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
213	1.010778.000.00.00.H26	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
214	1.010781.000.00.00.H26	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
215	1.010783.000.00.00.H26	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
216	1.010801.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
217	1.010802.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
218	1.010803.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
219	1.010804.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
220	1.010805.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
221	2.002308.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
222	1.010833.000.00.00.H26	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
223	1.010810.000.00.00.H26	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
224	1.010811.000.00.00.H26	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	1559/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
225	1.010812.000.00.00.H26	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
226	1.010814.000.00.00.H26	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
227	1.010815.000.00.00.H26	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng.	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
228	1.010816.000.00.00.H26	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
229	1.010817.000.00.00.H26	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
230	1.010818.000.00.00.H26	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
231	1.010819.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
232	1.010820.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

233	1.010821.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
234	1.010824.000.00.00.H26	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
235	1.010825.000.00.00.H26	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
236	1.010827.000.00.00.H26	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
237	1.010829.000.00.00.H26	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	1559/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
238	1.010830.000.00.00.H26	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
239	2.002307.000.00.00.H26	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
240	1.010938.000.00.00.H26	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1039/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
241	1.010939.000.00.00.H26	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1039/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
242	1.010940.000.00.00.H26	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	1039/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
243	1.010941.000.00.00.H26	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	3089/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
244	1.006391.000.00.00.H26	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	932/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
245	2.001215.000.00.00.H26	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
246	2.001212.000.00.00.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
247	2.001214.000.00.00.H26	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

248	2.001211.000.00.00.H26	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
249	2.001218.000.00.00.H26	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
250	2.001217.000.00.00.H26	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	933/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hàng hải và đường thủy nội địa (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
251	1.011471.000.00.00.H26	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	1018/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
252	1.001776.000.00.00.H26	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
253	1.011606.000.00.00.H26	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	252/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
254	1.011607.000.00.00.H26	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	252/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
255	1.011608.000.00.00.H26	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	252/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
256	1.011609.000.00.00.H26	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	252/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
257	1.002693.H26	Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	1504/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hạ tầng kỹ thuật (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
258	1.012091.H26	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	791/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
259	1.012222.H26	Công nhận người có uy tín	947/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
260	1.012223.H26	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín	947/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Công tác dân tộc (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

261	2.002284.H26	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục nghề nghiệp (G07-LĐ06) (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
262	3.000250.H26	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	1344/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
263	1.012084.H26	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	558/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
264	1.012085.H26	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	558/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Gia đình (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
265	1.012299.H26	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	1055/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
266	1.012301.H26	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	1055/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
267	1.012300.H26	Thủ tục xét tuyển Viên chức (85/2023/NĐ-CP)	1055/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam	Công chức, viên chức (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
268	3.000257.H26	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	41/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
269	1.012476	Quyết định bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương cho các quận, huyện, thị xã	6584/QĐ-UBND	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
270	2.002620.H26	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	4182/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
271	1.012531.H26	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	1018/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
272	1.012500.H26	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
273	2.001770.H26	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
274	1.004283.H26	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

275	1.011518.H26	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước .	233/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
276	1.012568.H26	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	931/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
277	1.012569.H26	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	931/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do Nhà nước đầu tư, quản lý (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
278	1.012694.H26	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	1344/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Đảng viên	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
279	1.012695.H26	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	1344/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
280	1.012836.H26	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	592/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
281	1.012837.H26	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	592/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
282	1.012753.H26	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	1285/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
283	1.012817.H26	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	956/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
284	1.012796.H26	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	956/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
285	1.012818.H26	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	956/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
286	1.012812.H26	Hòa giải tranh chấp đất đai	956/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

287	1.012888.H26	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	1024/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
288	1.012922.H26	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	1018/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
289	2.002409.H26	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	1132/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Giải quyết khiếu nại (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
290	2.002396.H26	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	1132/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Giải quyết tố cáo (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
291	1.010945.H26	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	2316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Tiếp công dân (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
292	2.002501.H26	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	2316/QĐ-UBND	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xử lý đơn thư (Thanh tra Chính phủ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
293	1.010736.H26	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	828/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
294	3.000291.H26	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất	41/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
295	1.013061.H26	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	957/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
296	2.002516.H26	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
297	2.002635.H26	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
298	2.002637.H26	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	951/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
299	2.002636.H26	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
300	2.002638.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	122/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai

301	2.002642.H26	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	951/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
302	2.002643.H26	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	122/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
303	2.002639.H26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	951/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
304	2.002640.H26	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	951/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
305	2.002641.H26	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	122/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
306	2.002648.H26	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	122/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
307	1.012592.H26	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	947/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
308	1.012591.H26	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ BỔ SUNG HOẠT ĐỘNG TÍN NGƯỠNG (CẤP XÃ)	947/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
309	1.012590.H26	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	947/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
310	1.012585.H26	THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỦA NHÓM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG (CẤP XÃ)	947/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
311	1.012582.H26	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG ĐẾN ĐỊA BÀN XÃ KHÁC (CẤP XÃ)	947/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
312	1.012584.H26	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM SINH HOẠT TÔN GIÁO TẬP TRUNG TRONG ĐỊA BÀN MỘT XÃ (CẤP XÃ)	947/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
313	2.002349.H26	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	6144/QĐUBND	Công dân Việt Nam	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
314	1.003725.H26	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	959/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
315	2.001594.H26	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)	1666/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

316	1.002211.H26	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	1311/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
317	2.000930.H26	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	1311/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
318	2.000950.H26	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	1311/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
319	2.000424.H26	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Hòa giải ở cơ sở (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
320	1.013234.H26	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
321	1.013239.H26	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
322	1.012995.H26	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
323	1.012994.H26	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
324	1.012996.H26	Thanh toán, xóa nợ tiền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ	798/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Tài chính đất đai (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
325	1.013226.H26	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
326	1.013232.H26	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
327	1.013225.H26	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
328	1.013229.H26	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

329	1.013228.H26	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
330	1.013227.H26	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	948/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
331	2.002668.H26	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
332	2.002228.H26	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
333	2.002226.H26	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	951/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
334	1.004844.H26	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	957/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường sắt (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
335	1.013313.H26	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	102/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
336	1.013314.H26	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	102/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
337	3.000322.H26	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
338	3.000323.H26	Đăng ký giám sát việc giám hộ	216/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
339	3.000327.H26	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	951/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
340	3.000326.H26	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	951/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
341	3.000325.H26	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	798/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
342	1.013274.H26	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1056/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

343	1.000314.H26	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1056/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Đường bộ (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
344	3.000307.H26	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
345	3.000308.H26	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
346	3.000309.H26	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
347	1.012961.H26	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
348	1.012962.H26	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
349	3.000315.H26	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	211/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
350	1.012963.H26	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục tiểu học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
351	1.012972.H26	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
352	1.012973.H26	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
353	1.012974.H26	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
354	1.012964.H26	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
355	1.012965.H26	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
356	1.012966.H26	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
357	1.012967.H26	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
358	1.012968.H26	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục trung học (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
359	1.012969.H26	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
360	1.012970.H26	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	1168/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục thường xuyên (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
361	1.012975.H26	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

362	1.012971.H26	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Giáo dục mầm non (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
363	2.002770.H26	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
364	2.002771.H26	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
365	3.000467.H26	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
366	3.000468.H26	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	1168/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Văn bằng, chứng chỉ (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
367	1.013855.H26	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	954/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn thực phẩm (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
368	1.013796.H26	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO, TỔ CHỨC TÔN GIÁO TRỰC THUỘC, TỔ CHỨC ĐƯỢC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÔN GIÁO CÓ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG Ở MỘT XÃ	947/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
369	1.013798.H26	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ GIẢNG ĐẠO NGOÀI ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH, CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC TRONG MỘT XÃ	947/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
370	1.013797.H26	THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC CUỘC LỄ NGOÀI CƠ SỞ TÔN GIÁO, ĐỊA ĐIỂM HỢP PHÁP ĐÃ ĐĂNG KÝ CÓ QUY MÔ TỔ CHỨC Ở MỘT XÃ	947/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Tín ngưỡng, tôn giáo (Dân tộc và Tôn giáo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
371	1.013791.H26	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	959/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
372	1.013792.H26	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	1666/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
373	1.013795.H26	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	959/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
374	1.013794.H26	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	959/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

375	1.013793.H26	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	959/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Doanh nghiệp; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
376	1.013744.H26	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
377	1.013750.H26	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
378	1.013745.H26	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
379	1.013749.H26	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
380	1.010773.H26	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
381	3.000412.H26	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	252/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giảm nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
382	1.013949.H26	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	1285/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
383	1.013962.H26	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở	1285/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
384	1.013965.H26	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	1285/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
385	1.013950.H26	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	1285/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
386	1.013967.H26	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	956/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai

387	1.013952.H26	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	1285/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
388	1.013953.H26	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	1285/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
389	1.013978.H26	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	1285/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
390	1.013979.H26	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	956/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
391	1.013702.H26	Công nhận ban vận động thành lập hội	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
392	1.013706.H26	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
393	1.013704.H26	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
394	1.013709.H26	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
395	1.013710.H26	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
396	1.013711.H26	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
397	1.013712.H26	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
398	1.013715.H26	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
399	1.013734.H26	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết .	963/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Quản lý lao động ngoài nước (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
400	1.013713.H26	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
401	1.013714.H26	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
402	1.013703.H26	Thành lập hội	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
403	1.013717.H26	Quỹ tự giải thể	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
404	1.013708.H26	Hội tự giải thể	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
405	3.000410.H26	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	41/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai

406	1.013716.H26	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	963/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Quản lý nhà nước về hội, quỹ (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
407	2.000206.H26	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	931/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	An toàn đập, hồ chứa thuỷ điện (Bộ Công Thương)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
408	1.003005.H26	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	943/QĐ-TTPVHCC	Người nước ngoài	Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
409	1.004827.H26	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	943/QĐ-TTPVHCC	Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
410	1.000080.H26	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	943/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
411	1.000094.H26	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	943/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài	Hộ tịch (Bộ Tư pháp)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
412	1.013040.H26	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	94/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
413	1.014027.H26	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1051/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
414	1.014028.H26	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	1051/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Bảo trợ xã hội (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
415	1.013997.H26	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	1022/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
416	1.014035.H26	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
417	1.014034.H26	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	1076/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh) (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Xã	Công khai
418	3.000494.H26	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	1167/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
419	3.000510.H26	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị chết	1167/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
420	3.000509.H26	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	1167/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
421	1.014149.H26	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1169/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
422	1.014150.H26	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	1169/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
423	1.014193.H26	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	1242/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức	Bảo hiểm y tế (Bộ Y tế)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

424	1.014310.H26	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1259/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
425	1.014312.H26	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	1259/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Di sản văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
426	1.014159.H26	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	1261/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Cán bộ, công chức, viên chức; Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã	Công khai
427	1.014156.H26	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1261/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
428	1.014158.H26	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1261/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
429	1.014155.H26	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1261/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài; Hợp tác xã	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
430	1.014157.H26	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1261/QĐ-TTPVHCC	Doanh nghiệp; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Quy hoạch đô thị và nông thôn (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
431	1.014275.H26	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	1285/QĐ-TTPVHCC	Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
432	1.014258.H26	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	230/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
433	1.014259.H26	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	230/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Hợp tác xã	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
434	3.000502.H26	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	1344/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
435	1.014336.H26	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	1403/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
436	1.014337.H26	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	1403/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai

437	1.014335.H26	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	1403/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Bộ Giáo dục và Đào tạo)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
438	1.014352.H26	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	1488/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Lao động (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Bộ; Cấp Tỉnh; Cấp Xã; Cơ quan khác	Công khai
439	1.014359.H26	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	1559/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Người có công (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
440	1.014371.H26	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	1567/QĐ-TTPVHCC	Hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
441	1.003596.H26	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	955/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Người Việt Nam định cư ở nước ngoài; Người nước ngoài; Tổ chức (không bao gồm doanh nghiệp, HTX); Tổ chức nước ngoài	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
442	1.014632.H26	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	118/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam; Cán bộ, công chức, viên chức; Đảng viên	Nhà ở và công sở (Bộ Xây dựng)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai
443	2.002821.H26	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	124/QĐ-TTPVHCC	Công dân Việt Nam	Việc làm (Bộ Nội vụ)	UBND Thành phố Hà Nội	Cấp Xã	Công khai